

Bản án số: 284/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/8/2024  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp;
- Bà Phạm Thị Phương Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11800/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14038/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê VV, sinh năm 1966 (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: 22 pt, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn TTT, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 22 pt, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 19/3/2024, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê VV là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn TTT tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 07/8/2010. Vợ chồng có 01 (một) con chung là: Lê TT (nam, sinh ngày 16/5/2010).

Trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc vì không cùng chung chí hướng, thường xuyên mâu thuẫn xích mích, bà T thường xuyên bỏ nhà đi. Hiện vợ chồng không còn sống chung, bà T sống ở đâu ông không biết. Nay ông

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Con đang ở cùng ông, do ông nuôi dưỡng nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông V yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

2. Bà Nguyễn TTT là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được Tòa án tổng đạt các thông báo và triệu tập thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ đầy đủ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông Lê VV được ly hôn với bà Nguyễn TTT ; giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung ông V khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại 22 pt, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là quan hệ tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường X, Quận 1 ngày 16/4/2024, có cơ sở xác định bị đơn đăng ký thường trú tại địa chỉ 22 pt, phường X, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh nhưng vắng mặt tại địa phương từ tháng 5/2023 không

liên lạc được. Xét bị đơn không đăng ký thay đổi nơi cư trú nên địa chỉ thường trú được xem là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt; đồng thời nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống vợ chồng được Ủy ban nhân dân phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 07/8/2010 (Theo Trích lục kết hôn số 118/TLKH-BS ngày 18/3/2024 của UBND phường X) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn vì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do không cùng chung chí hướng, không hạnh phúc. Tại Văn bản số 517/UBND ngày 24/7/2024 của UBND phường X cho biết: Bị đơn đăng ký thường trú nhưng không thực tế cư trú tại địa phương nên địa phương không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng họ. Xét thấy, bị đơn đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, hiện không còn liên lạc với nguyên đơn nên khả năng vợ chồng hàn gắn đoàn tụ tiếp tục chung sống hạnh phúc là khó, mục đích của hôn nhân về xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn để ổn định cuộc sống là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao) số 185 đăng ký ngày 08/7/2010 do Ủy ban nhân dân phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở để xác định trẻ: Lê TT (nam, sinh ngày 16/5/2010) là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Xét, nguyên đơn đang trực tiếp nuôi con và có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con. Đồng thời, lời khai của trẻ Lê TT có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên giao trẻ Lê TT cho nguyên đơn nuôi dưỡng để bảo đảm cuộc sống ổn định cho trẻ là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Xét nguyên đơn khai tài sản chung, nợ chung không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến đề nghị giải quyết nội dung vụ án phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên.

[2.5] Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Lê VV được ly hôn với bà Nguyễn TTT .

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê VV và bà Nguyễn TTT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126 đăng ký ngày 07/8/2010 tại Ủy ban nhân dân phường X, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao trẻ Lê TT (nam, sinh ngày 16/5/2010) cho ông Lê VV trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê VV không yêu cầu bà Nguyễn TTT cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, bà Nguyễn TTT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng phải tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường X, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh là nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Lê VV và bà Nguyễn TTT có trách nhiệm ghi nội dung quyết định này vào sổ hộ tịch.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Lê VV phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0038102 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường X, Quận 1;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Ánh**